

Bản án số: 110/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 30/9/2022
*V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình "chấm dứt nuôi con nuôi".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ
2. Ông Lã Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử công khai vụ việc thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc “*yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị N; sinh năm: 1943

Địa chỉ: Tổ 18, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

“Có mặt tại phiên tòa”

- Bị đơn: Mã Thị L; sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 18, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc Tấn – Công ty luật Ngọc Tấn

Địa chỉ: Phòng 1216, tòa B1-HUD2, khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, phường Bằng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

“Có mặt tại phiên tòa”

- Người làm chứng:

1. Lục Văn C

Địa chỉ: SN 058, Tổ 11 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

2. Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: SN 058, Tổ 4 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

3. Trương Văn T

Địa chỉ: Tổ 14 phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

4. Hoàng Khánh H

Địa chỉ: SN 40, Tổ 03 phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

5. Mã Văn P

Địa chỉ: Tổ 18 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

6. Lục Thị N

Địa chỉ: Tổ 18 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

7. Dương Thị K

Địa chỉ: Tổ 18 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Vắng mặt tại phiên tòa có lý do”

8. Nguyễn Minh N

Địa chỉ: Tổ 18 phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

“Có mặt tại phiên tòa”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Năm 1979 khi Trung Quốc tiến hành chiến tranh biên giới phía Bắc, bà và chồng là ông Mã Văn S phát hiện bà Mã Thị L lúc đó khoảng 08 tuổi bị thương ở vai rất nặng (gãy xương quai xanh), là thầy thuốc nên ông bà đã đem Mã Thị L về chữa trị vết thương, lúc đó được biết bố của L là người Trung Quốc, vì vậy đưa L về quê tại xã Q, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng để trao cho bố mẹ và họ hàng. Nhưng không có ai nhận nên có đem L về nhà chăm sóc vài năm cho khỏi hẳn, có đủ sức khỏe thì về quê tìm bố là người Trung Quốc. Thời gian bà L ở nhà bà N, ông S khoảng 08 năm và đến năm 16 tuổi thì L xây dựng gia đình và sinh sống tại xã X (nay là xã V), huyện Hà Quảng. Và có thay đổi chỗ ở tại Tổ 18, phường S, thành phố Cao Bằng như hiện nay. Thời gian từ khi xây dựng gia đình L không về thăm nom vợ chồng bà N và ông S. Bà cho rằng bà và ông S không nhận L là con nuôi. Bà L tự nhận là con nuôi của bà N, ông S, nhưng xem xét đến hành động và ý chí của L thì không thể hiện việc coi bà N, ông S là bố

mẹ nuôi thể hiện ở việc sau:

Sau khi lập gia đình, thì bà Mã Thị L không về chăm sóc, động viên lúc vợ chồng ông bà ốm đau, bệnh tật. Đặc biệt là thời gian ông Mã Văn S ốm nặng, tai biến mạch máu não, nằm liệt giường, mọi sinh hoạt cá nhân không làm chủ được đều nhờ thuê người chăm sóc. Điều này được chứng minh qua lời khai của nhân chứng là hàng xóm sống xung quanh, người giúp việc mà bà N thuê để chăm nom ông S khi nằm liệt giường và các cháu những người thường xuyên đến chăm sóc nuôi dưỡng ông S là ông Trương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lục Văn C, Nguyễn Văn T, bà Nông Thị T, bà Hoàng Thị Đ, bà Hoàng Thị C, bà Nông Thị L, bà Hà Thị N. Tất cả đều khẳng định Mã Thị L không ở cùng vợ chồng bà N, ông S, không chăm sóc, bỏ mặc vợ chồng ông bà không quan tâm đến kể cả lúc ốm đau, bệnh tật. Có nhiều lần vào buổi tối, bà Mã Thị L cùng chồng và các con đứng ngoài ném đá vào nhà bà N, chửi bới và thậm chí xông vào nhà miệt thị bà N, như vậy L không tôn trọng người cao tuổi, không coi bà là mẹ nuôi như L đã nhận.

Bà L không coi ông S, bà N là bố mẹ nuôi mà chỉ nhận để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà điều này đã được thể hiện bằng hành động khi L đã lừa dối và làm giả giấy tờ ủy quyền để đi rút tiền tiết kiệm của chồng bà, L không được ông S ủy quyền cho rút tiền nhưng lợi dụng việc ông S nằm liệt không nhận thức được, cầm tay ông S để lẫn vào làm giấy ủy quyền để rút tiền trái ý ông S và bà. Điều này đã được công an xác minh thể hiện L đã nhờ cán bộ tư pháp làm giấy ủy quyền nhưng không được ở đây chính là do việc ông S đang nằm liệt giường và không làm chủ được hành vi dân sự nên không thể làm giấy ủy quyền. Sau đó đã lừa dối và lập giấy ủy quyền mang tên ông S, tự cầm tay ông S bị liệt, không tỉnh táo để lẫn tay và lừa dối chính quyền địa phương xác nhận giấy ủy quyền. Giấy khai sinh Mã Thị L là do L tự làm, đến khi xảy ra tranh chấp về tài sản là số tiền tiết kiệm của bà N, ông S thì bà N mới được biết, nhưng giấy khai sinh này theo bà là không đúng hình thức, nội dung... Nay bà đề nghị tòa án giải quyết và tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với con nuôi là Mã Thị L – sinh năm 1971.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 3 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Mã Thị L trình bày như sau:

Bà Mã Thị L xác nhận bà là con nuôi của bà Trương Thị N và ông Mã Văn S. Năm 1980 khi bà được 08 tuổi, có được ông S và bà N nhận làm con nuôi, bố mẹ nuôi bà là người trực tiếp đến UBND xã Q, huyện Hà Quảng làm giấy khai sinh cho bà vào ngày 11/5/1980. Đồng thời thay đổi họ và tên của bà từ Hà Thị D sang thành Mã Thị L để theo họ Mã của bố nuôi. Sau khi hoàn tất việc làm giấy khai sinh, bố mẹ nuôi đã nhập tên bà vào sổ hộ khẩu gia đình, trong sổ hộ khẩu có ghi rõ bà là con. Từ khi được đón về làm con nuôi năm 1980, bà đã chung sống cùng bố mẹ nuôi cho đến khi đi lấy chồng (năm 1997) và chuyển hộ khẩu sang nhà chồng, ở cùng tổ nên bà vẫn thường xuyên lo liệu, quán xuyến các công việc gia đình, chăm sóc bố mẹ lúc ốm đau, bệnh tật. Vì vậy, có việc bố mẹ tin tưởng giao sổ tiết kiệm của bố mẹ cho bà quản lý để lo tiền thuốc men, điều trị cho bố cũng như để lo hậu sự cho bố mẹ sau này. Bà là

con nuôi hợp pháp của bố mẹ đã được Tòa án nhận định tại bản án phúc thẩm số 07/2021/DS – PT ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bố mất có việc giữa bà và mẹ (bà N) phát sinh mâu thuẫn liên quan đến số tiền tiết kiệm do bố mẹ trước đây giao cho bà quản lý, việc tranh chấp giữa bà với bà N đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, có thể sau khi xảy ra tranh chấp, mối quan hệ tình cảm mẹ con giữa bà và bà N bị rạn nứt. Bà cho rằng, do bà N có thể còn giận bà nên mới làm đơn yêu cầu chấm dứt nuôi con nuôi như hiện tại. Bà Mã Thị L không nhất trí với yêu cầu của bà N bởi: Bố mẹ nuôi là người đã trực tiếp có công chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bà từ năm 08 tuổi đến khi trưởng thành và lập gia đình, sau khi bà kết hôn bố mẹ vẫn quan tâm đến cuộc sống của bà. Bố mẹ bà không có con đẻ, bà là con nuôi hợp pháp duy nhất của bố mẹ, nay bà đã trưởng thành nên đương nhiên phải là người thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của người con đối với cha mẹ như chăm sóc, phụng dưỡng, lo toan công việc gia đình cho bố mẹ. Tuy nhiên không tránh khỏi việc bà còn thiếu sót, sai sót trong khi chăm sóc, phụng dưỡng mẹ mới dẫn đến mâu thuẫn này. Nhưng từ khi bố còn sống bố đã dặn bà phải có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng khi bố mẹ ốm đau, già yếu và lo mai táng hương hỏa sau này, bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người con đối với bố của mình như chăm sóc phụng dưỡng khi ốm đau, lo mai táng khi bố mất nhưng chưa thực hiện đầy đủ các việc trên với mẹ vì mẹ còn đang giận bà.

Ngoài ra bà nhận thấy mình không thuộc bất cứ trường hợp nào để làm căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi. Do vậy để thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của người con đối với cha mẹ cũng như thực hiện ý nguyện của bố nuôi bà khi còn sống, bà mong muốn mối quan hệ với mẹ nuôi còn tồn tại. Những thiếu sót mâu thuẫn bà sẽ khắc phục và H giải với mẹ để giữ lại tình cảm mẹ con cũng như để mẹ nuôi có người chăm sóc phụng dưỡng khi ốm đau và lo hậu sự sau này.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng Hoàng Khánh H trình bày: Ông là cháu bà Trương Thị N, trong việc từ chối nhận nuôi con nuôi là người hiểu biết trong quá trình thời gian bà Mã Thị L về sinh sống cùng gia đình ông Mã Văn S, bà Trương Thị N...cũng như quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa hai mẹ con.

Những người làm chứng Lục Văn C, Nguyễn Văn Đ, Trương Văn T đều trình bày khi ông S ốm đau cũng không thấy chị L đến trông nom, chăm sóc, chính những người làm chứng này chăm sóc ông S khi điều trị tại bệnh viện, vì ông S cao lớn cần người có sức khỏe để đỡ.

Người làm chứng Mã Văn P được ghi lại video cảnh mâu thuẫn, xô sát giữa bà N và bà L và đã nộp kèm USB kèm bản tường trình cho tòa án.

Người làm chứng Dương Thị K trình bày: Khi ông S bị ốm có nhiều lần bà xuống thăm ông S ở bệnh viện, ở nhà đều gặp bà L chăm sóc ông S rất chu đáo, bản thân bà là tổ phó tổ hội hiếu được bà L nhờ và đưa tiền cho bà cùng với người trong hội hiếu mua L thực, thực phẩm trong những ngày đám hiếu ông S.

Bà thấy cả gia đình cô L đều có trách nhiệm lo đám tang cho ông S rất chu đáo, đúng với trách nhiệm của một người con đối với cha mẹ.

Người làm chứng Lục Thị N trình bày: Năm 1979 bà được biết bà L được nhà bà L lấy về nuôi nhưng vì gia đình bà đông con nên anh chị đã nhờ bà cùng chị dâu (chị N) đi đến nhà bà L đón L về nuôi. Từ đó cho đến khi lấy chồng có con đều ở cùng bà N, ông S đến năm 1990 cháu L mới ra ở riêng. Tuy ở riêng, nhưng vì nhà bà L ở gần nhà ông bà nên các công việc từ ốm đau, đồng áng, việc cưới xin họ hàng làng xóm đều đến tay vợ chồng L một tay lo toan chu đáo. Bà L cũng đứng ra lo mai táng cho ông S. Bà đều thấy khi bà N, ông S ốm đau hoặc gia đình có việc cũng không thấy ông H nào đến bao giờ mà khi ông S chết thì có một người đàn ông đến với bà chị bà làm cho tình cảm mẹ con giữa L với bà N bị xáo trộn, rạn nứt nên mới dẫn đến tình trạng kiện cáo như bây giờ. Bà N không nhận L làm con thì họ hàng cũng không đồng ý vì L không làm gì sai, L cũng đối xử rất tốt với bà N, ông S, làm đúng trách nhiệm của một người con đối với cha mẹ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày: Qua điều tra, xác minh có thể thấy rằng ông S, bà N vì lòng thương đã cưu mang bà Mã Thị L mặc dù không có quan hệ máu mủ, họ hàng. Tuy nhiên, qua cách thể hiện đáp lại tình thương của ông S, bà N có thể thấy rằng bà L không coi trọng, quan tâm, chăm sóc đối với những người là ân nhân. Những người làm chứng đều khẳng định rằng bà L không chăm nom, động viên ông S lúc ông đi bệnh viện, nằm liệt giường. Bà L chỉ có ý định chiếm đoạt tài sản của ông S, bà N chứ không mong muốn tình cảm tốt đẹp. Ông H và những người cháu có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án là những người thấy bất bình đối với cách đối xử của bà L đối với một người già neo đơn như bà N. Bà N đều khẳng định rằng bà không được làm giấy khai sinh cũng như không làm thủ tục nhận con nuôi, tuy nhiên không xác thực được việc nhận con nuôi và làm giấy khai sinh do sổ sách tại Ủy ban nhân dân xã Q không còn lưu trữ. Nhưng thời điểm này không còn quan trọng, bà N chấp nhận và yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà N và bà L. Bà N với nguyện vọng không muốn có bất kỳ mối quan hệ nào với bà L, để có thể vui sống yên ổn tuổi già. Nhận thấy, yêu cầu của bà N là chính đáng, Luật sư đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Thị N.

Những người làm chứng là hàng xóm sống xung quanh, người giúp việc mà bà thuê về chăm nom ông S khi nằm liệt giường và các cháu những người thường xuyên đến chăm sóc nuôi dưỡng ông S là ông Trương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lục Văn C, Nguyễn Văn T, bà Nông Thị T, bà Hoàng Thị Đ, bà Hoàng Thị C, bà Nông Thị L, bà Hà Thị N tất cả đều khẳng định Mã Thị L không ở cùng vợ chồng bà và không chăm nom săn sóc ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại điều 70, 71, 72, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân Thành phố Cao Bằng thụ lý việc Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 (những yêu cầu về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án). Sau đó bà Mã Thị L làm đơn không chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà N. Tòa án ra Quyết định chuyển hồ sơ việc dân sự sang vụ án dân sự số 01/2022 ngày 18/3/2022 theo quy định tại khoản 8 Điều 28, Điều 361, Điều 35, 39 và Điều 195 của BLTTDS 2015.

Về quan hệ con nuôi giữa bà N, ông S và bà L là quan hệ nuôi con nuôi. Quá trình bà L về sinh sống và làm con nuôi của bà N, ông S hai bên đều thuận với nhau không có mâu thuẫn gì. Mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh từ sau khi ông S chết mối quan hệ mẹ con giữa hai bên không còn được tốt như trước nữa vì lý do liên quan đến sổ tiết kiệm và nhiều lý do khách quan. Bà N và bà L đã khởi kiện và được tòa án giải quyết bằng bản án về việc tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản từ đó đến nay dẫn đến việc bà N yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi. Bà L không nhất trí việc chấm dứt nuôi con nuôi và qua xác minh tại Chính quyền địa phương và những người làm chứng, hàng xóm sống xung quanh đều cho rằng mối quan hệ của hai bên rất tốt, bà L đã làm tròn bổn phận của người con đối với bố mẹ nuôi, tuy nhiên bà L lại không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm, mối quan hệ giữa hai mẹ con. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo điều 25 luật nuôi con nuôi có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 10, Điều 25, Điều 27 Luật nuôi con nuôi; các Điều 28, Điều 203, 227, 228, 271, 273 Bộ luật TTDS năm 2015, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Trương Thị N đối với bà Mã Thị L.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tại thời điểm bà Trương Thị N viết đơn yêu cầu “chấm dứt nuôi con nuôi” với người bị yêu cầu là bà Mã Thị L. Bà Mã Thị L có hộ khẩu thường trú tại tổ 18, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Do đó, theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình tòa án giải quyết, nhận thấy bà Trương Thị N và bà Mã Thị L không có sự đồng nhất về nội dung yêu cầu “chăm dứt nuôi con nuôi”. Nhận thấy: Nội dung yêu cầu của các đương sự có sự mâu thuẫn, tranh chấp, không áp dụng được các quy định về giải quyết việc dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết yêu cầu, đồng thời bà Trương Thị N có yêu cầu Tòa án chuyển việc “chăm dứt nuôi con nuôi” thành vụ án về Hôn nhân và gia đình (tại Biên bản làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ngày 17/3/2022). Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã quyết định áp dụng các quy định giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị N với tư cách tố tụng của các đương sự được xác định như sau: Nguyên đơn là bà Trương Thị N và bị đơn là bà Mã Thị L.

[2] Về nội dung:

Về mối quan hệ giữa ông Mã Văn S, bà Trương Thị N và bà Mã Thị L: Hội đồng xét xử nhận định, giữa ông Mã Văn S, bà Trương Thị N và bà Mã Thị L không xác định được các ông bà có thực hiện thủ tục đăng ký nhận con nuôi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không. Tuy nhiên, từ các căn cứ, chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, xác định được mối quan hệ giữa bà Trương Thị N, ông Mã Văn S và bà Mã Thị L là quan hệ giữa bố mẹ nuôi và con nuôi trên thực tế, phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định giữa bố mẹ nuôi và con nuôi.

Về yêu cầu chăm dứt nuôi con nuôi của nguyên đơn Trương Thị N:

Bà Trương Thị N cho rằng từ sau khi bà Mã Thị L lập gia đình, bà Mã Thị L không thường xuyên thăm hỏi, động viên cũng như chăm sóc ông Mã Văn S, bà Trương Thị N, kể cả khi ốm đau, bệnh tật và khi ông Mã Văn S chết. Còn bà Mã Thị L cho rằng bà vẫn thực hiện nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ nuôi và thăm nom ông bà, nhất là có chăm sóc khi ông Mã Văn S điều trị tại bệnh viện, lo toan đám hiếu khi ông S chết. Hai bên đều yêu cầu Tòa án xác minh đối với người làm chứng, kết quả xác minh cho thấy những người làm chứng được chia làm hai ý kiến trái ngược: một bên cho rằng bà Mã Thị L không chăm sóc, phụng dưỡng ông Mã Văn S, không lo toan khi ông S chết; còn một bên khẳng định bà Mã Thị L vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của con nuôi đối với cha mẹ nuôi.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trước khi ông Mã Văn S chết, bà Trương Thị N, bà Mã Thị L vẫn có mối quan hệ bình thường, chưa có mâu thuẫn xảy ra, như vậy có trường hợp bà Mã Thị L có đến thăm và động viên ông S, bà N là điều bình thường. Nhưng Hội đồng xét xử không đi sâu phân tích vào tình tiết này.

Bà Trương Thị N và bà Mã Thị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ sau khi ông Mã Văn S chết (năm 2019). Cụ thể, các bên xảy ra tranh chấp về tài sản chung và di sản thừa kế của ông Mã Văn S, vụ việc được Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm. Trong thời gian giải quyết vụ án, qua các buổi làm việc, H giải tại Tòa án và tại phiên tòa đều nhận thấy rằng bà Trương Thị N và Mã Thị L không có cử chỉ, hành vi thể hiện sự quan tâm đến nhau giữa mẹ nuôi và con nuôi.

Trong vụ án “Tranh chấp tài sản chung và chia di sản thừa kế” giữa bà Trương Thị N và bà Mã Thị L, các tài liệu thu thập được cho thấy: Bà Mã Thị L sử dụng mối quan hệ quen biết với để lập 02 giấy ủy quyền rút tiền trong sổ tiết kiệm mang tên ông Mã Văn S tại hai ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố Cao Bằng với số tiền 300.000.000 đồng / 1 sổ và tiền lãi ngày 13/12/2018. Sau khi rút được tổng số tiền 600.000.000 đồng từ hai sổ tiết kiệm trên, bà Mã Thị L đã gửi 03 sổ tiết kiệm mang tên Mã Thị L ngày 13/12/2018 tại Ngân hàng Bidv chi nhánh Cao Bằng, cụ thể số tiền và mục đích sử dụng sau khi hết thời hạn như sau:

-Số tiền 100.000.000 đồng gửi kỳ hạn 3 tháng (bà L đã rút và chi tiêu khám, chữa bệnh cho ông S).

-Số tiền 200.000.000 đồng gửi kỳ hạn 6 tháng. Ngày 13/6/2019 bà L rút số tiền gốc và lãi (5.484.000 đồng), chi phí mai táng phí ông S 30.000.000 đồng. Còn 170.000.000 đồng bà L gửi vào ngân hàng BIDV chi nhánh Cao Bằng từ ngày 16/12/2019 mang tên Mã Thị L.

-Số tiền 300.000 đồng gửi kỳ hạn 6 tháng. Ngày 13/6/2019 bà L rút số tiền gốc và lãi (8.227.397 đồng). Ngày 13/6/2020 bà L gửi lại số tiền gốc 300.000.000 đồng vào sổ tiết kiệm mang tên Mã Thị L tại ngân hàng Agribank chi nhánh thành phố Cao Bằng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, bà L đều khẳng định rằng số tiền trong hai sổ tiết kiệm 600.000.000 đồng mang tên ông Mã Văn S là do ông Mã Văn S tặng cho bà L, nhưng không có căn cứ và được xác định là tài sản chung của ông S, bà N. Số tiền này sau khi rút, bà Mã Thị L đã chuyển sang 03 sổ tiết kiệm mang tên bà Mã Thị L, như vậy là không đúng với ý chí nguyện vọng của ông S, bà N. Như vậy, kể cả số tiền lãi phát sinh, bà L cho rằng cho rằng đưa lại cho ông S, bà N nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, có thể khẳng định bà Mã Thị L có hành vi sử dụng tài sản của ông S, bà N vào mục đích cá nhân khi chưa được sự cho phép của ông S Bà N, đây được coi là một trong các hành vi phá tán tài sản được quy định trong Luật nuôi con nuôi.

Tại Điều 2 Luật nuôi con nuôi đã nêu mục đích nuôi con nuôi: *“Việc nuôi con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình”*. Và một trong những nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi là *“Việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.”*

Bên cạnh đó, Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình có quy định về quyền và nghĩa vụ cha mẹ nuôi và con nuôi như quyền nghĩa vụ giữa cha mẹ và con. Cụ thể tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con như sau: “

“1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo

dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

...”

Còn quyền và nghĩa vụ của con được quy định tại Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình:

“1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

2. Có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

3...”

“Điều 71. Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng

1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.”

Điều 25 Luật nuôi con nuôi có quy định về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi theo đó, khi giải quyết yêu cầu chấm dứt nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi có thể bị chấm dứt trong các trường hợp: Con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi; Con nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi; Cha mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi; Vi phạm quy định tại Điều 13 của Luật nuôi con nuôi.

Từ tình hình hiện nay giữa bà Trương Thị N và bà Mã Thị L Hội đồng đồng xét xử có thể xác định được rằng bà Trương Thị N và bà Mã Thị L không còn sự quan tâm lẫn nhau, hai bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài; từ năm 2020 cho đến nay, bà Trương Thị N không còn yêu thương, nuôi dưỡng đối với con nuôi, bà Mã Thị L không còn phụng dưỡng, yêu quý, kính trọng với mẹ nuôi, cả hai đã không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con. Tuy bà Mã Thị L cho rằng bà vẫn còn tình cảm với mẹ nuôi, không muốn chấm dứt quan hệ giữa mẹ và con theo yêu cầu của bà Trương Thị N nhưng không có cử chỉ, hành động để hàn gắn tình cảm giữa hai người, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ việc, hai bên không gặp gỡ nói chuyện, trao đổi với nhau. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử dành thời gian để các đương sự nói chuyện với nhau, cùng thống nhất nội dung vụ án nhưng nhận thấy hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm và tôn

trọng lẫn nhau. Chính vì vậy, bà Trương Thị N và bà Mã Thị L đã vi phạm quyền, nghĩa vụ cha mẹ và con nuôi. Mục đích ban đầu của việc nhận mẹ nuôi, con nuôi không đạt được, không còn sự tự nguyện trong mối quan hệ trên. Do đó, việc duy trì mối quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi không còn có ý nghĩa tốt đẹp. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trương Thị N về chấm dứt nuôi con nuôi là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị đơn Mã Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi, Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về “chấm dứt nuôi con nuôi” đối với bà Mã Thị L.

Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi bà Trương Thị N và con nuôi bà Mã Thị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Mã Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na

